



PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026 CỦA CÁC ĐƠN VỊ CŨ VỀ ĐƠN VỊ MỚI SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đường Hào)

STT	Nội dung	C	L	K	Mã nguồn	Tổng cộng	Điều chỉnh giảm dự toán		Điều tăng dự toán	Ghi chú
							Trường TH Phùng Chí Kiên (trước sắp xếp) Mã ĐVQHNS 1045843	Trường Tiểu học Dị Sử (trước sắp xếp) Mã ĐVQHNS 1045588	Trường Mầm non Đường Hào (sau sắp xếp) Mã ĐVQHNS 1175838	
A	B					1=(2+3+4+5+6)	2	3	7=1	C
A	Tổng dự toán được giao	822				18.631.458.000	6.854.315.000	11.777.143.000	18.631.458.000	
I	Dự toán đầu năm (1+2)	822				18.418.858.000	6.790.115.000	11.628.743.000	18.418.858.000	
1	Kinh phí tự chủ	822	070	072	13	16.496.473.000	6.113.630.000	10.382.843.000	16.496.473.000	
	Chi con người tự chủ					14.604.673.000	5.441.330.000	9.163.343.000	14.604.673.000	
	Chi hoạt động theo đầu trường và đầu học sinh					1.882.800.000	667.800.000	1.215.000.000	1.882.800.000	
	Gia hạn phần mềm quản lý tài sản					9.000.000	4.500.000	4.500.000	9.000.000	
2	Kinh phí không tự chủ (2.1 + 2.2 + 2.3)	822				1.922.385.000	676.485.000	1.245.900.000	1.922.385.000	
2.1	Sự nghiệp giáo dục	822	070	072	12	1.046.250.000	337.500.000	708.750.000	1.046.250.000	
	Chi cấp bù HP kỳ 2 năm học 2025-2026					1.038.750.000	333.750.000	705.000.000	1.038.750.000	
	Chi hỗ trợ chi phí học tập					7.500.000	3.750.000	3.750.000	7.500.000	
2.2	Sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	822	100	108	12	81.450.000	46.930.000	34.520.000	81.450.000	

	Triển khai hệ thống CSDL và quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu chia sẻ dữ liệu địa phương ngành giáo dục (Quản lý phần mềm quản lý); Triển khai hệ thống quản lý học tập điều hành tác nghiệp giáo dục; BDTX GV, CBQL cơ sở GDMN, PT và GDTX và báo cáo kết quả BDTX trên Temis; Triển khai học bạ số cấp TH, THCS; Triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp CSGD cấp MN, PT, THCS; phần mềm kiểm định chất lượng GD, MN, PT; Phần mềm thư viện 3.0 cho các trường thuộc tỉnh Hưng Yên cũ					81.450.000	46.930.000	34.520.000	81.450.000	
2.3	Quỹ thưởng theo ND số 73/2024/NĐ-CP		070	072	18	794.685.000	292.055.000	502.630.000	794.685.000	
3	Giao KP Tiết kiệm 10% chi TX (lần 1)	822	070	072	28	210.200.000	74.700.000	135.500.000	210.200.000	
	Hoạt động theo định mức học sinh					209.200.000	74.200.000	135.000.000	209.200.000	
	Phần mềm QLTS					1.000.000	500.000	500.000	1.000.000	
III	Dự toán điều chỉnh	822				- 115.800.000	- 51.500.000	- 64.300.000	- 115.800.000	
1	Điều chỉnh tăng		070	072	12	36.210.000	12.610.000	23.600.000	36.210.000	
	Điều chỉnh tăng BDTX GV, CBQL cơ sở GDMN, PT và GDTX và báo cáo kết quả BDTX trên TEMIS (822/100/108) nguồn 12					19.500.000	7.200.000	12.300.000	19.500.000	
	Điều chỉnh tăng Triển khai học bạ số cấp TH, THCS (822/100/108) nguồn 12					16.710.000	5.410.000	11.300.000	16.710.000	
2	Điều chỉnh giảm		100	108	12	- 33.810.000	- 23.110.000	- 10.700.000	- 33.810.000	
	Điều chỉnh giảm Triển khai học bạ số cấp TH, THCS (822/100/108) nguồn 12					- 15.510.000	- 10.510.000	- 5.000.000	- 15.510.000	
	Điều chỉnh giảm BDTX GV, CBQL cơ sở GDMN, PT và GDTX và báo cáo kết quả BDTX trên TEMIS (822/100/108) nguồn 12					- 18.300.000	- 12.600.000	- 5.700.000	- 18.300.000	
3	Điều chỉnh tăng tiết kiệm lần 2		070	072	28	118.200.000	41.000.000	77.200.000	118.200.000	
4	Điều chỉnh giảm Hoạt động theo định mức học sinh		070	072	13	- 118.200.000	- 41.000.000	- 77.200.000	- 118.200.000	
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN						1045843	1045588	1175838	
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch						0412	0412	0412	



